TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **144/**2023/DS-ST
Ngày: 08/12/2023
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích.

2. Ông Võ Minh Quang.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Thảo Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 257/2023/TLST-DS, ngày 01 tháng 8 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2023/QĐXX-ST ngày 16 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 156 ngày 08 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Ông **Phạm Văn C,** sinh năm 1968 (Vắng mặt).

ĐKTT: Ấp Q, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Chổ ở: Ấp H, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ông Phạm Văn C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 30/11/2023.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 30/3/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/9/2023, bản tự khai ngày 25/8/2023 và những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày như sau:*

Ông và ông Phạm Văn C là hàng xóm của nhau. Do chỗ thân quen lâu năm nên ngày 01/02/2022 (01/01/2022 âm lịch), ông có cho ông C vay số tiền 10.000.000 đồng, không có thời hạn trả, không làm giấy tờ, cũng không lãi suất. Đến ngày 03/12/2022 (10/11/2022 âm lịch), do thiếu tiền nên ông C nhờ ông vay người khác, cho ông C vay lại số tiền 20.000.000 đồng, không lãi suất cũng không có thời hạn trả nhưng có lập tờ "giấy mượn tiền ngày 10/11/2022 âm lịch", giấy này do ông C tự viết và ký tên. Sau khi vay hai khoản tiền trên, nhiều lần ông đòi tiền nhưng ông C không trả.

Trước đây, ông khởi kiện yêu cầu ông C trả số nợ 30.000.000 đồng yêu cầu tính lãi 20%/năm tính từ ngày 03/3/2023 cho đến ngày xét xử (08/12/2023) và lãi chậm trả của hai khoản vay này. Nay, ông rút một phần yêu cầu khởi kiện, ông rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay ngày 01/02/2022 với số tiền 10.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả. Tại phiên tòa, ông xác định khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn C trả số tiền nợ 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày nộp đơn khởi kiện (30/3/2023) cho đến ngày xét xử (08/12/2023).

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2023, Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 30/11/2023, bị đơn ông Phạm Văn C có ý kiến như sau:*

Ông và ông Nguyễn Văn N có quan hệ là anh em bà con với nhau. Ông thừa nhận do thiếu tiền nên ngày 03/12/2022 (10/11/2022 âm lịch), ông có vay của ông N số tiền 20.000.000 đồng, việc vay có lập giấy tờ, giấy này do ông viết và ký tên. Mục đích ông vay tiền để tiêu xài trong gia đình, không thỏa thuận lãi suất, không có thời hạn trả. Ông cũng biết ông N vay tiền giúp ông từ người khác, chứ không phải tiền của ông N. Hằng tháng ông đều đưa tiền lãi để ông N đi đóng cho người khác. Sau đó, do làm ăn khó khăn nên ông không trả nổi lãi và gốc nên còn nợ số tiền này. Đối với yêu cầu trả gốc và lãi, ông ý kiến chỉ đồng ý trả nợ gốc 20.000.000 đồng và không đồng ý trả lãi do đã có thỏa thuận riêng với ông N. Còn đối với khoản vay ngày 01/02/2022 với số tiền 10.000.000 đồng thì ông cho rằng ông không có vay số tiền này của ông N nên không đồng

ý với yêu cầu của ông N và do bận việc gia đình nên yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ông.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì các đương sự có chấp hành tốt.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 92, 147, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5, 6 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N đối với số tiền vay 10.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả theo Đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/9/2023.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N đối với ông Phạm Văn C về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Buộc ông Phạm Văn C có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Buộc ông Phạm Văn C chịu lãi số tiền trên theo quy định pháp luật kể từ ngày nộp đơn khởi kiện (30/3/2023) cho đến ngày xét xử (08/12/2023).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn C trả tiền vay. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án

này được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Phạm Văn C có đăng ký thường trú tại ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre và hiện đang sinh sống tại ấp H, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Văn C có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 30/11/2023. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông C là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn N rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền vay ngày 01/02/2022 với số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và yêu cầu tính lãi chậm trả theo Đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/9/2023. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của ông Nguyễn Văn N.

- *Về nội dung vụ án:*

[5] Ông Nguyễn Văn N khởi kiện cho rằng có cho ông Phạm Văn C vay số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) vào ngày 03/12/2022 (10/11/2022 âm lịch), việc vay tiền có lập giấy nợ, do ông C viết và ký tên, khoản vay không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả, ông có yêu cầu ông C trả nợ nhiều lần nhưng ông C không trả nợ nên ngày 30/3/2023, ông nộp đơn khởi kiện. Căn cứ khởi kiện là "giấy mượn tiền ngày 10/11/2022 âm lịch" (bút lục 25).

Thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Văn C thừa nhận có vay ông Nguyễn Văn N số tiền 20.000.000 đồng ngày 03/12/2022, "giấy mượn tiền ngày 10/11/2022 âm lịch" (bút lục 25) là do ông C viết, ký tên. Do tình hình kinh tế khó khăn dù ông N nhiều lần nhắc nhở nhưng đến nay ông C vẫn chưa trả số nợ 20.000.000 đồng này. Xét thấy, đây là sự thừa nhận của các bên là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về yêu cầu tính lãi suất hợp đồng vay: Ông Nguyễn Văn N yêu cầu tính lãi số tiền 20.000.000 đồng theo quy định pháp luật kể từ ngày nộp đơn khởi kiện (30/3/2023) cho đến ngày xét xử (08/12/2023). Yêu cầu tính lãi suất

số tiền vay của ông Nguyễn Văn N là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy, "giấy mượn tiền ngày 10/11/2022 âm lịch" (bút lục 25) do ông Phạm Văn C viết, ông Nguyễn Văn N cũng thừa nhận hai bên không thỏa thuận lãi suất, không có thời hạn vay. Căn cứ quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự 2015 thì đây là hợp đồng vay không kỳ hạn.

Căn cứ khoản 2 Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự 2015, Điều 5, 6 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì tiền lãi được tính như sau:

Cụ thể: Kể từ ngày nộp đơn khởi kiện (30/3/2023) cho đến ngày xét xử (08/12/2023) = 8 tháng 8 ngày x 10%/năm x 20.000.000 = 1.378.000 đồng (Một triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

[7] Lời đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do rút một phần yêu cầu khởi kiện và được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên ông Nguyễn Văn N không phải chịu án phí. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Phạm Văn C phải chịu án phí theo quy định.

Cụ thể: 21.378.000 đồng x 5% = 1.068.900 đồng (Một triệu không trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 5, 6 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N đối với ông Phạm Văn C về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và yêu cầu tính lãi chậm trả.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N đối với ông Phạm Văn C về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Buộc ông Phạm Văn C có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền vay là 21.378.000 đồng (Hai mươi mốt triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn đồng), trong đó: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tiền nợ gốc, 1.378.000 đồng (Một triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc ông Phạm Văn C phải chịu số tiền án phí là 1.068.900 đồng (Một triệu không trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm đồng).

Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn N số tiền án phí đã nộp là 1.164.025 (Một triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn không trăm hai mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0007454 ngày 31 tháng 7 năm 2023 và 0007573 ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Ông Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Văn C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Long Hồ